

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và thép với thanh khoản giảm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

FMC, HVN

## [Cập nhật công ty]

ACB

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trading trong các nhịp hồi sớm

08/02/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,072.22	+0.60
VN30	1,073.38	+0.36
HĐTL VN30F1M	1,072.00	+0.44
HNXIndex	210.62	+0.30
HNX30	356.62	+0.62
UPCoM	76.43	+1.18
USD/VND	23,600	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.14	-0
Lãi suất qua đêm (%)	9.67	+417
Dầu (WTI, \$)	77.48	+0.44
Vàng (LME, \$)	1,884.71	+0.62



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,072.22 (+0.60%)  
**KLGD (triệu CP)** 480.3 (-14.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 420.9 (-18.7%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng và thép với thanh khoản giảm. Khối ngoại tiếp tục mua ròng, tập trung ở STB (-2.9%), HPG (+5.6%), DPM (+1.3%).

**HNXIndex** 210.62 (+0.30%)  
**KLGD (triệu CP)** 61.5 (-12.3%)  
**GTGD (triệu US\$)** 36.7 (-18.7%)

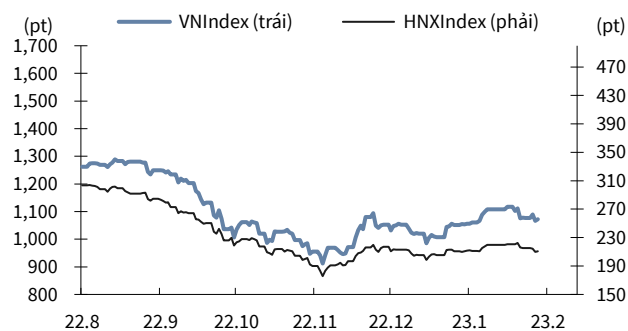
Nhu cầu tiêu dùng sẽ tiếp tục yếu khi lạm phát cao. Ngoài ra, việc giải phóng hàng tồn kho cần ít nhất hai quý. Cổ phiếu vận tải giảm giá ở HAH (-1.56%), GMD (-2.8%)

**UPCoM** 76.43 (+1.18%)  
**KLGD (triệu CP)** 23.9 (-19.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 12.9 (-15.9%)

Fed xoa dịu những lo ngại của thị trường về việc nâng lãi suất, trong khi nhu cầu phục hồi tại Trung Quốc cũng thúc đẩy giá dầu. Cổ phiếu dầu khí tăng giá ở PVS (+1.29%), PVD (+0.78%)

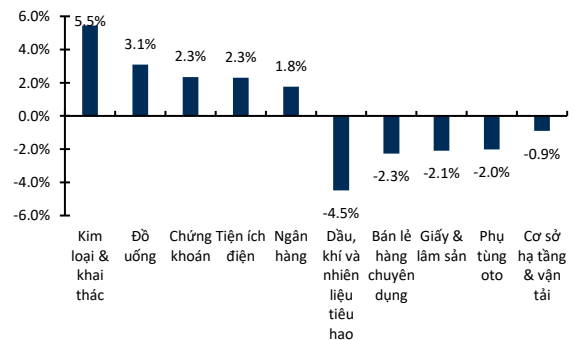
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +17.0

## VNIndex & HNXIndex



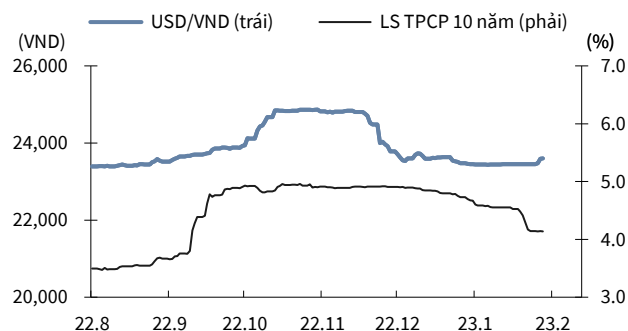
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



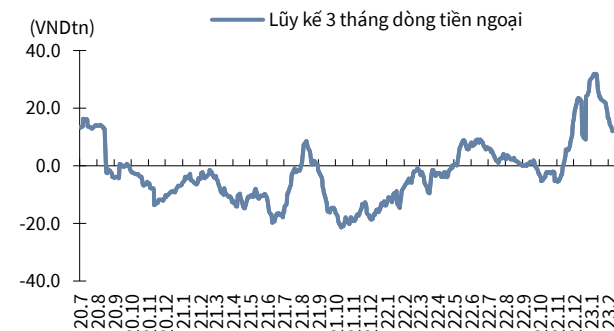
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

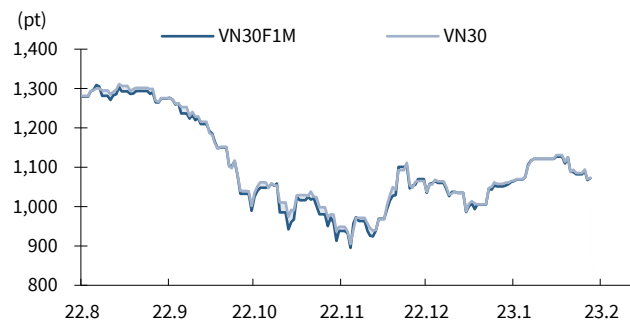
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,073.38 (+0.36%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,072.0 (+0.44%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,070.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,084.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,065.5</b>

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2302 và chỉ số VN30 biến động giằng co quanh mốc 0 khi xu hướng thị trường chưa rõ ràng, đóng cửa ở mức -1.38 điểm. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay.

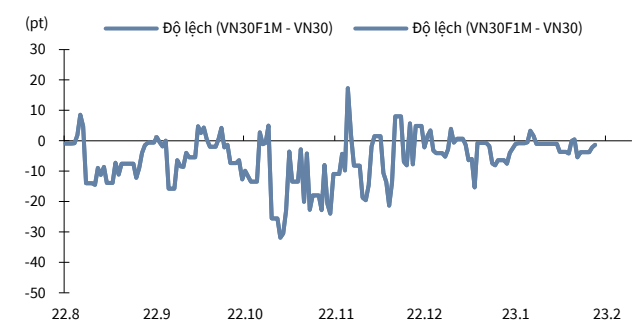
**KLGD (HĐ)**      **291,901 (+4.3%)**

**HĐTL VN30F1M & VN30**



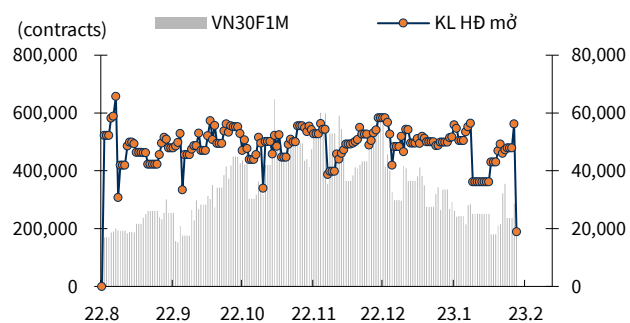
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



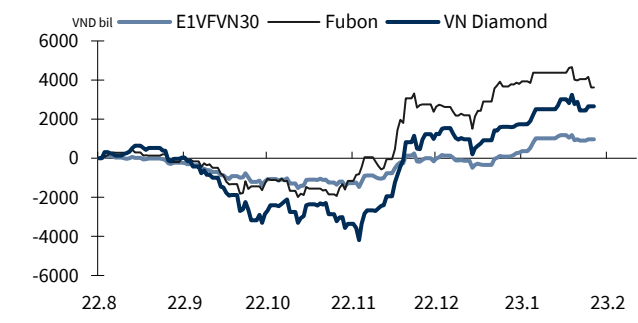
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

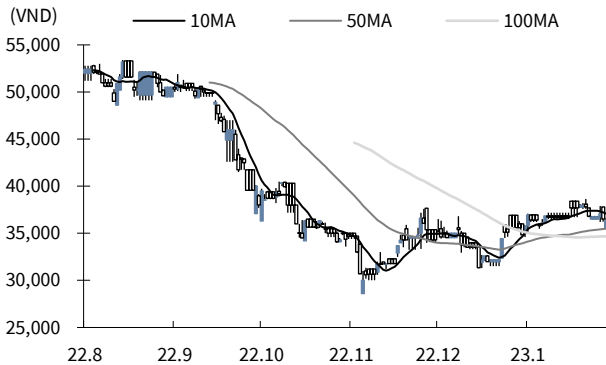
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC)

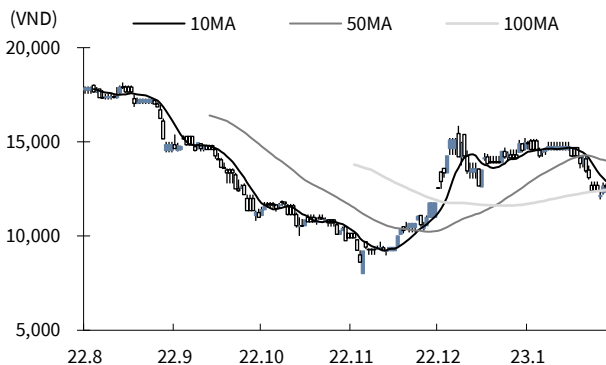


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FMC giảm 0.4% xuống 36,350 VND/cp

- CTCP Thực phẩm Sao Ta công bố doanh số tiêu thụ tháng 1 đạt 15.2 triệu USD (khoảng 359 tỷ đồng), giảm 47% so với cùng kỳ năm 2021 do công ty chỉ hoạt động 20 ngày trong tháng 1 còn lại là nghỉ Tết, nguyên liệu tôm khan hiếm và đơn hàng ít hơn so với cùng kỳ. Cụ thể, sản xuất tôm thành phẩm đạt 581 tấn, giảm 69% YoY và tiêu thụ tôm thành phẩm khoảng 1,111 tấn giảm 53% YoY.

## Vietnam Airlines (HVN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HVN giảm 0.4% xuống 12,600 VND/cp

- Ngày 7/2, Vietnam Airlines cho biết sẽ nối lại 05 đường bay giữa Việt Nam và Trung Quốc từ tháng 3 và tháng 4 năm nay, qua đó khôi phục tổng cộng 9 trên 10 đường bay tới Trung Quốc so với giai đoạn trước dịch. Với kịch bản lạc quan Trung Quốc tiếp tục nối lỏng các thủ tục liên quan, nhu cầu phục hồi tốt, Vietnam Airlines kỳ vọng lượng khách bay giữa hai nước năm 2023 sẽ đạt bằng khoảng 80% so sánh năm 2019.

08/02/2022

Nguyễn Đức Huy  
huynd1@kbsec.com.vn

# Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

## Cập nhật họp Chuyên gia phân tích

### Chiến lược kinh doanh nguồn vốn tốt cùng sự thận trọng đem lại trái ngọt

- Thu từ lãi cả năm 2022 của đạt 40,699 tỷ VND, tăng 20.7%YoY; chi phí lãi và chi phí tương tự ghi nhận tốc độ tăng trưởng chậm hơn ở mức 16.2%, đạt 17,165 tỷ VND.
- Thu lãi thuần (NII) cả năm 2022 từ đó đạt 23,534 tỷ VND, tăng 24.2%YoY. ACB là một trong số ít các ngân hàng có thể duy trì xu hướng tăng liên tục theo quý của NII.
- Lợi suất tài sản bình quân cả năm 2022 ước tính tăng khoảng 0.23 điểm % trong khi chi phí vốn bình quân gần như không tăng giúp NIM 2022 tăng 0.25 điểm %YoY.
- Thu thuần từ hoạt động dịch vụ 2022 đạt 3,526 tỷ VND (+21.8%YoY). Trong đó, thu từ banca đạt 1,954 tỷ VND, tăng 31%YoY; thu từ dịch vụ thẻ đạt 663 tỷ VND (+86%YoY); thu từ dịch vụ thanh toán quốc tế tăng 36%YoY, đạt 358 tỷ VND; thu từ dịch vụ chứng khoán và các dịch vụ tài khoản lần lượt giảm 34% và 36%YoY.
- Về các nguồn thu ngoài lãi khác thì thu từ ngoại hối và vàng vẫn đem lại cho ngân hàng khoảng 1,048 tỷ VND (+20.3%YoY) và thu thuần từ các hoạt động khác gấp 7 lần cùng kỳ, đạt 990 tỷ. Thu từ mua bán chứng khoán kinh doanh lỗ tới 388 tỷ VND, trong khi chứng khoán đầu tư chỉ đem lại 21 tỷ VND (-91.5%YoY).
- Tổng thu hoạt động (TOI) 2022 đạt 28,790 tỷ VND (+22.2%YoY).
- Chí phí hoạt động (OPEX) tăng mạnh 41%YoY, đạt 11,605 tỷ VND
- Nhờ đã mạnh tay trích lập dự phòng trong 2021 và khả năng hồi phục của khách hàng tái cơ cấu tốt nên ACB chỉ phải trích 71 tỷ cho cả năm 2022.
- Chi phí dự phòng giảm sâu giúp LNTT cả năm 2022 tăng tới 42.6%YoY, đạt 17,114 tỷ VND – vượt 13.5% kế hoạch năm.
- Các chỉ số khả năng sinh lời ấn tượng, ROE đạt 26.5% và ROA 2.4%.

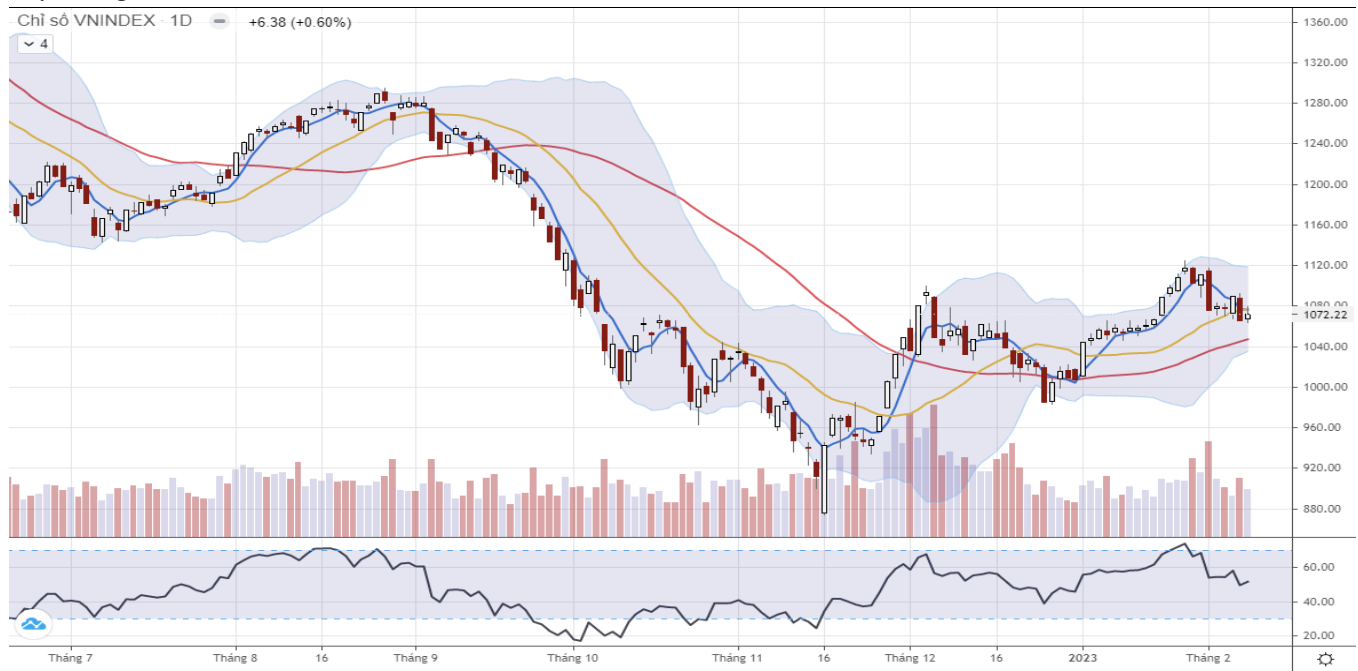
### Chất lượng tài sản vẫn thuộc top đầu ngành

- Tăng trưởng tín dụng cả năm 2022 đạt 14.3% trên tổng room 15.5% của NHNN. Trong đó, tăng trưởng tín dụng của ngân hàng mẹ là 15.2% và ACBS là -19% do giảm cho vay margin.
- Tỷ lệ cho vay bán lẻ (cá nhân và SME) cuối 2022 là 93% tương đương cuối 2021.
- Tỷ lệ nợ xấu tính đến cuối năm 2022 là 0.74%, giảm nhẹ 0.03 điểm %YoY nhờ ngân hàng đẩy mạnh write-off nợ xấu trong quý 4 (khoảng 990 tỷ).
- Dự phòng rủi ro bao nợ xấu cả năm 2022 là 155% giảm từ mức đỉnh 206 của năm 2021 nhưng vẫn là mức cao trong ngành.
- Quy mô nợ tái cơ cấu đến cuối 2022 là 8,398 tỷ VND. Ngân hàng đã thu hồi được khoảng 8,632 tỷ VND năm 2022 nhờ đó hoàn nhập 2,069 tỷ chi phí dự phòng.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong phiên với các nhịp tăng giảm đan xen và hình thành mẫu nền spinning về cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy gia tăng đã giúp cho chỉ số bảo vệ thành công ngưỡng hỗ trợ gần quanh 106x, đồng thời giúp cho trạng thái thị trường trở nên bớt tiêu cực hơn. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong các phiên tiếp theo vẫn đang có phần lấn át.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trading trong các nhịp hồi sớm.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1087 - 1090

Kháng cự gần: 1077 - 1080

Hỗ trợ gần: 1063 - 1066

Hỗ trợ xa: 1050 - 1056

- F1 diễn biến giằng co trong phiên với các nhịp tăng giảm đan xen và hình thành mẫu nến spinning về cuối phiên.
- Lực mua chủ động gia tăng đã giúp cho chỉ số lấy lại ngưỡng hỗ trợ gần quanh 107x, đồng thời giúp cho trạng thái thị trường trở nên bớt tiêu cực hơn. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong các phiên tiếp theo vẫn đang có phần lấn át.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế SHORT đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

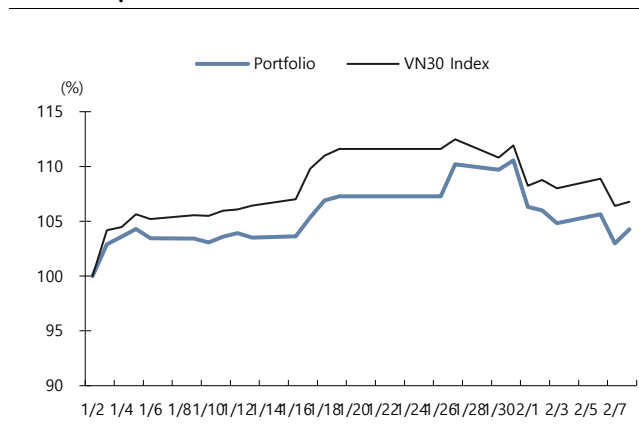
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.36%	1.23%
Tăng lũy kế (YTD)	6.78%	4.27%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/02/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	44,500	-2.6%	15.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	19,500	2.4%	-6.9%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay ký quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	82,900	-0.2%	44.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	24,600	0.8%	0.4%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	14,350	2.5%	-16.1%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	81,200	0.6%	234.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	29,900	2.4%	58.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	107,300	0.9%	46.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	20,850	5.6%	87.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	23,400	0.0%	127.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
STB	-2.9%	28.5%	203.7
HPG	5.6%	23.3%	159.2
DPM	1.3%	19.2%	51.9
SSI	2.4%	43.3%	25.5
HCM	3.7%	46.5%	24.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.4%	24.3%	-143.5
VNM	-0.4%	55.8%	-66.8
VIC	-1.1%	13.1%	-6.9
VHC	-2.4%	30.3%	-18.3
NVL	-2.1%	6.3%	-18.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	0.5%	0.9%	7.5
PVS	1.3%	19.4%	7.1
TVD	9.6%	3.0%	1.4
NAG	2.6%	1.4%	0.4
CEO	0.9%	1.9%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HUT	-0.7%	1.5%	-1.4
PVI	-0.4%	59.6%	-0.3
TNG	1.3%	8.9%	-0.2
PLC	2.4%	1.3%	-0.1
PVC	0.0%	0.7%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	6.1%	TDP, SVI, MCP, TPC
Đồ uống	5.3%	SAB, BHN, SMB, SCD
Ngân hàng	3.4%	VCB, BID, VPB, TCB
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	2.5%	PLX, PGC, CNG, GSP
Phụ tùng oto	2.2%	DRC, CSM, PAC, TNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-5.5%	VPG, TSC, BTT, TNA
Hóa chất	-4.2%	GVR, DGC, DPM, DCM
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-4.0%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Ngành chứa phân loại	-3.9%	CKG, PSH, NHH, ABS
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-3.2%	MWG, FRT, CTF, HAX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	15.2%	DHC, HAP, HHP, VID
Cơ sở hạ tầng & vận tải	9.4%	GMD, LGC, CII, HAH
Thiết bị điện	9.3%	GEX, SAM, CAV, RAL
Đồ uống	8.9%	SAB, BHN, SMB, SCD
Ngân hàng	8.1%	VCB, BID, VPB, TCB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	-7.5%	DRC, CSM, PAC, TNC
Ngành chứa phân loại	-5.9%	CKG, PSH, NHH, ABS
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-5.3%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Thực phẩm	-3.5%	VNM, MSN, KDC, VHC
Quản lý & phát triển bất động sản	-3.0%	VHM, VIC, NVL, BCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	85,605 (3.6)	22.5	34.8	32.8	14.7	5.3	5.4	1.9	1.8	-1.1	-1.4	-3.0	1.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	86,831 (3.7)	26.6	5.4	5.2	35.9	21.6	19.3	1.1	0.9	-0.4	-2.9	-6.6	-2.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	41,509 (1.8)	17.8	17.7	15.6	-7.6	10.6	11.6	1.9	1.8	-0.2	1.8	-2.6	8.4
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	226,712 (9.7)	31.3	3.5	4.6	6.7	13.0	13.8	0.3	0.6	-2.1	-1.7	5.1	2.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	44,374 (1.9)	11.6	14.5	12.0	13.7	11.4	12.1	1.5	1.4	-0.7	1.9	-2.9	1.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	119,418 (5.1)	13.9	10.4	8.7	-	6.4	7.4	0.6	0.5	-1.6	-	-5.3	-2.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	108,183 (4.6)	6.3	14.2	13.0	11.7	18.7	20.1	2.7	2.3	2.4	5.7	12.1	17.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	78,446 (3.3)	12.7	11.0	9.0	-5.3	19.1	19.7	1.8	1.5	1.6	4.0	6.8	15.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	114,468 (4.9)	0.0	4.5	3.9	14.3	17.8	17.3	0.7	0.6	1.6	-1.2	0.5	7.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	105,484 (4.5)	1.4	7.6	6.2	50.3	17.9	18.8	1.2	1.0	2.4	3.1	4.5	9.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	396,149 (16.9)	0.0	7.1	6.0	18.8	16.1	16.0	1.0	0.9	0.0	-1.9	-5.3	0.3
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	184,414 (7.9)	0.0	4.3	3.8	14.6	22.6	21.1	0.8	0.7	0.3	-2.6	0.8	7.6
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	40,642 (1.7)	4.2	5.3	4.5	23.3	20.9	20.4	1.0	0.8	1.7	-3.7	11.2	14.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	411,829 (17.6)	14.0	5.9	4.3	26.5	19.1	19.8	1.0	0.8	-2.9	-2.5	2.9	11.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	203,072 (8.7)	0.0	6.2	4.6	37.4	18.3	17.6	1.0	0.8	0.8	3.8	9.3	16.9
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	64,145 (2.7)	0.2	-	-	27.3	14.6	14.9	-	-	-2.2	-4.9	-	-12.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	27,258 (1.2)	21.0	18.7	17.0	15.8	10.1	9.5	1.6	1.5	0.1	-1.5	2.5	5.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,367 (0.3)	14.2	11.2	9.6	9.1	13.7	15.0	1.1	1.0	0.0	4.3	7.5	17.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	316,055 (13.5)	55.4	16.6	13.2	-3.2	8.1	10.2	-	-	2.4	-3.2	3.2	10.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	166,350 (7.1)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	2.9	0.5	9.4	20.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	109,278 (4.7)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	3.6	3.0	8.8	20.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	354,857 (15.1)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	1.7	-5.2	2.1	8.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	134,562 (5.7)	42.1	16.7	15.3	4.0	29.7	30.9	4.6	4.4	-0.4	-1.8	-5.0	-0.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	20,563 (0.9)	36.9	22.1	19.1	7.3	22.7	23.4	4.6	4.2	3.1	5.5	9.1	18.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	57,659 (2.5)	16.5	25.3	18.6	-51.9	12.4	16.9	4.0	3.4	-0.6	-1.8	-2.4	0.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	12,805 (0.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	-2.7	-0.7	3.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	34,215 (1.5)	11.0	34.0	19.9	-88.5	13.0	26.1	-	-	-1.3	-5.2	0.2	-1.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	38,275 (1.6)	10.8	14.7	15.3	-57.0	15.1	13.9	2.0	1.9	-2.8	1.2	11.8	14.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	52,104 (2.2)	38.4	20.5	8.5	65.7	3.0	7.3	0.6	0.6	2.6	-3.1	3.0	7.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	177,605 (7.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.4	-0.7	4.2	10.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	11,043 (0.5)	3.6	16.6	10.2	-52.4	1.9	3.1	0.3	0.3	-0.1	-1.6	6.0	9.3
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	34,282 (1.5)	0.0	10.6	9.7	-4.5	14.9	14.8	1.5	1.4	0.0	0.5	-1.1	2.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	29,818 (1.3)	46.1	15.0	13.8	-17.5	22.1	21.2	3.2	2.8	0.9	0.7	2.5	5.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	18,913 (0.8)	31.4	8.9	7.9	-10.5	19.9	20.7	1.8	-	0.0	1.8	-2.3	-2.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,147 (0.0)	34.1	8.3	5.3	-5.1	11.7	17.5	-	-	-1.3	2.4	8.1	16.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	626,047 (26.7)	18.0	10.8	8.3	21.9	12.0	14.5	1.1	1.0	5.6	-1.2	7.5	15.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	70,440 (3.0)	36.5	5.3	8.1	-0.5	23.7	15.4	1.1	1.0	1.3	2.5	1.9	0.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	65,855 (2.8)	46.5	6.0	6.7	-4.5	22.8	18.2	1.3	1.2	1.2	-1.3	-0.8	-0.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	220,644 (9.4)	38.9	12.9	7.1	67.9	6.1	10.0	0.7	0.6	6.6	-1.4	14.2	25.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	28,231 (1.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.5	-0.1	15.4	20.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	30,567 (1.3)	4.6	15.1	13.5	-51.0	12.4	12.9	1.9	1.8	-4.6	2.6	6.0	17.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	80,944 (3.5)	39.9	25.6	12.6	-11.9	4.6	6.2	0.8	0.7	0.8	-1.0	6.0	9.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	47,184 (2.0)	35.9	7.3	6.4	2.2	14.4	15.3	0.9	0.8	3.2	-4.3	-5.9	-13.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	133,570 (5.7)	0.0	11.4	8.9	14.4	19.9	23.2	2.2	1.9	-2.6	-5.5	3.1	3.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	44,040 (1.9)	0.0	12.9	11.7	2.4	22.2	21.7	2.6	2.1	-0.2	-4.4	-6.0	-7.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	591 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	2.2	-1.0	6.9	6.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	70,844 (3.0)	30.3	20.6	16.3	-75.2	20.7	21.9	3.9	3.2	-1.1	7.1	9.1	9.1
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	20,073 (0.9)	34.6	8.6	7.8	41.2	20.5	20.0	1.7	1.4	-0.8	-4.7	0.4	5.5
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,384 (0.1)	45.4	12.6	12.4	10.7	21.6	20.8	2.7	2.4	-1.2	2.6	11.6	13.3
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	79,102 (3.4)	0.0	14.3	11.7	15.5	28.2	30.0	3.5	3.0	0.6	-1.0	1.1	5.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên phân tích cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
Nguyennd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

### Dầu khí & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuannnd@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích  
quyenlh@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.